

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2021/HSST
Ngày 13 tháng 7 năm 2021

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú

Ông Nguyễn Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 56/TB-TA ngày 07/6/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 14/6/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 01/7/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Y, sinh năm 1953; ĐKKHKT: khu tập thể M xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị V (đều đã chết); chồng là Nguyễn Hữu T (đã chết) và có 03 con, con lớn sinh năm 1975, con nhỏ sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 23/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 14 năm tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo đang bị giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị N, sinh năm 1972. Trú tại: số A Phan Chu Trinh khu 2 phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969; Trú tại: số A Phan Chu Trinh khu 2 phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2017, Nguyễn Thị Y quan hệ quen biết với bà Trần Thị N. Y tự giới thiệu là Trung tá quân đội nghỉ hưu, quen biết nhiều đồng chí lãnh đạo trung ương nên có khả năng xin chuyển nơi công tác cho cán bộ và làm chế độ chính sách cho quân nhân đã hy sinh. Bà N tin tưởng là thật nên đã nhờ Y xin chuyển công tác cho con trai là Nguyễn Duy C từ Trường Sĩ quan thông tin Nha Trang về Bộ tư lệnh thông tin ở Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội. Y không có chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền chuyển công tác nhưng vẫn đồng ý và bảo bà N chi phí xin chuyển công tác là 20.000.000đồng. Khoảng tháng 10/2017, tại nhà ở của bà N, Y nhận của bà N số tiền 20.000.000đồng. Sau đó, Y nhiều lần bảo bà N đưa thêm tiền để chi phí đi quan hệ, mua quà cảm ơn người giúp xin chuyển công tác cho con bà N với tổng số tiền là 115.000.000đồng, cụ thể: Vào ngày 31/12/2017, tại đầu ngõ nhà ở bà N, Y nhận tiếp của bà N số tiền 14.000.000đồng. Sau khi nhận tiền, Y có viết Giấy nhận tiền với nội dung ngày 31/12/2017 Y nhận của bà N 14.000.000 đồng. Ngày 02/01/2018, tại nhà ở bà N, Y nhận tiếp của bà N 50.000.000đồng, sau khi nhận tiền Y viết Giấy biên nhận với nội dung Y nhận 50.000.000đồng của bà N để lo lệ phí quà biếu về việc xin chuyển công tác cho con bà N là cháu Nguyễn Duy C về công tác tại Bộ Tư lệnh thông tin. Ngày 07/01/2018, tại đầu ngõ nhà ở của bà N, Y nhận tiếp của bà N 25.000.000đồng, sau khi nhận tiền Y viết thêm vào Giấy nhận tiền ngày 02/01/2018 với nội dung ngày 07/01/2018 bà N đưa thêm 25.000.000đồng. Khoảng tháng 03/2018, tại đầu ngõ nhà ở của bà N, Y tiếp tục nhận số tiền 26.000.000đồng. Trong quá trình hứa hẹn xin việc, Y đã dẫn bà N đến gặp ông Đỗ Đức Trí ở 79 Bùi Thị Xuân, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội (là cán bộ đã nghỉ hưu) và Y còn viết Đơn xin bảo lãnh với nội dung xin bảo lãnh cho Cường được điều động về công tác tại Bộ tư lệnh thông tin để bà N tin tưởng là thật và đưa tiền cho Y. Sau khi nhận 135.000.000đồng của bà N, Y không xin chuyển công tác được cho anh Cường mà sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân. Sau khi biết Y không có chức năng xin chuyển công tác bà N yêu cầu Y trả lại số tiền 135.000.000đồng. Đến cuối năm 2018, Y đã trả cho bà N số tiền 35.000.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị Y đã trả cho bà Trần Thị N số tiền 35.000.000 đồng. Bà N yêu cầu bị cáo phải trả số tiền còn lại là 100.000.000đồng

Tại bản cáo trạng số 57/VKS-HS ngày 27-4-2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Thị Y về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bà Trần Thị N số tiền 100.000.000đồng.

Tại phiên tòa: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật và bồi thường cho gia đình ông, bà số tiền 100.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Y phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Y từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Bị cáo Nguyễn Thị Y phải bồi thường cho bị hại bà Trần Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Kiêm số tiền 100.000.000đồng.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Thị Y được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Thị Y hiện đang giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội, bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt do sức khỏe không tham gia phiên tòa được. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị Y theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Y tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do biết bà Trần Thị N ở số A Phan Chu Trinh, khu 2, phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có nguyện vọng xin chuyển công tác cho con từ Trường Sĩ quan thông

tin Nha Trang về Bộ Tư lệnh thông tin ở Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ và khả năng luân chuyển, điều động cán bộ nhưng Nguyễn Thị Y đã có hành vi nói dối có khả năng xin chuyển nơi công tác cho con bà N mục đích để chiếm đoạt tiền. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 03/2018, Nguyễn Thị Y nhiều lần bảo bà N đưa tiền lo xin việc và đã chiếm đoạt của bà N tổng số tiền là 135.000.000 đồng

Bị cáo Nguyễn Thị Y là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối nói có khả năng xin chuyển công tác cho con của bà N đã khiến bà N tin tưởng, giao tiền cho bị cáo Nguyễn Thị Y xin chuyển công tác cho con mà không có sự nghi ngờ, trong khi Y không có chức năng và quyền hạn gì và bị cáo Y đã đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản của bà N là 135.000.000 đồng. Hành vi đó là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của Nguyễn Thị Y đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Xác định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đối với Nguyễn Thị Y về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Y là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Về nhân thân: Ngày 23/3/2021, Y bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về tình tiết tăng nặng: không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thị Y thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường một phần số tiền chiếm đoạt cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Thị Y là người cao tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Y chiếm đoạt của bà N, ông K số tiền 135.000.000 đồng, đã bồi thường 35.000.000 đồng; bà N, ông K đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại nên buộc bị cáo Nguyễn Thị Y phải bồi thường cho bà N, ông K số tiền là 100.000.000 đồng theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Y là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội, bị cáo Nguyễn Thị Y được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

[6] Về các vấn đề khác: Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Y còn khai nhận ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Y còn nhận tiền của bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1964, ở khu 2, phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương để làm chế độ chính sách cho bà Ch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương đã xác minh, nhưng không xác định được bà Ch ở đâu nên không có đủ căn cứ để xử lý đối với Y về hành vi này.

Đối với ông Đỗ Đức T, tài liệu điều tra không đủ căn cứ xác định ông T đã bàn bạc, giúp Y hoặc nhận tiền để xin việc cho con bà Trần Thị N nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 586, 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136; Điều 290; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Y phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

- Về hình phạt chính:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Y 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Y phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn K số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được bồi thường có đơn đề nghị thi hành án khoản tiền phải thi hành, nếu người phải thi hành án chậm trả khoản tiền phải trả thì phải bồi hoàn khoản tiền lãi của số tiền phải trả tương ứng

với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Y được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị hại (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP Hải Dương;
- CQTHAHS-Công an tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT-Công an TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- CQTHAHS-Công an TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu